

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23 – 6 – 2023

V/v ly hôn T - P

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phùng

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Soan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 151/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1984 nơi cư trú: Tổ D, đường N, khu phố T, phường T, huyện T, tỉnh Bình Dương, xin vắng mặt

- Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1985 nơi cư trú: Tổ C, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện ngày 26/8/2022 và lời khai của nguyên đơn ông Lê Ngọc T trình bày: Ông và bà P qua tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, huyện T, tỉnh Bình Dương vào ngày 08 tháng 01 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà của ông T. Đến ngày 02/9/2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bà P lấy đồ và bỏ nhà đi cho đến nay không về nhà mặc dù ông T đã gọi điện nhiều lần năn nỉ bà P quay về

nhà nhưng không thành. Vợ chồng ly thân từ tháng 02/9/2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, ông T xin ly hôn bà P.

Ông T và bà P có 02 con chung Lê Ngọc T1, sinh ngày 26/02/2008 và Lê Ngọc Anh K, sinh ngày 03/11/2011 đang sống cùng ông T. Khi ly hôn ông có nguyện vọng nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T và bà P không có tài sản chung, nợ chung

Bị đơn bà Trần Thị P vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt khi hòa giải, xét xử là vi phạm quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu, cho ông Lê Ngọc T được ly hôn bà Trần Thị P. Ông T và bà P có 02 con chung, giao ông T được nuôi 02 con chung. Ông T không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Ông T và bà P không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông T và bà P tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2008, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường T, huyện T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 08 tháng 01 năm 2008 nên làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng. Ông T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do bà P bỏ nhà đi từ tháng 9 năm 2018, ông và bà P ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu

cầu ly hôn bà P.

Qua xác minh, thì địa phương cho biết: Bà P có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện P, An Giang. Về mâu thuẫn của vợ chồng ông T và bà P, địa phương không biết. Hiện nay bà P không có mặt tại địa phương.

Ông T và bà P là vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương nhau, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau cố gắng xây dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái. Ông T và bà P xảy ra mâu thuẫn và bà P đã bỏ nhà đi. Ông T và bà P ly thân gần năm năm nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn. Vợ chồng không còn quan tâm nhau, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho ông T ly hôn với bà P.

[2.2] Về nuôi con chung:

Ông T và bà P có 02 con chung Lê Ngọc T1, sinh ngày 26/02/2008 và Lê Ngọc Anh K, sinh ngày 03/11/2011 đang sống cùng ông T. TỪ khi vợ chồng không còn chung sống đến nay, ông T là người trực tiếp nuôi 02 con chung, ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung đúng với nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho ông T nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu nên không buộc bà P phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ngọc T.

Ông Lê Ngọc T được ly hôn bà Trần Thị P.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02/2008, quyển số 01, ngày 08 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban nhân dân phường T, huyện T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông T và bà P không còn giá trị pháp lý.

Ông Tú bà P có 02 con chung Lê Ngọc T1, sinh ngày 26/02/2008 và Lê

Ngọc Anh K, sinh ngày 03/11/2011 đang sống cùng ông T. Giao 02 con chung cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho bà P đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở bà P thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

Ông T và bà P không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005847 ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông T không còn phải nộp thêm án phí

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P
- UBND phường T, huyện T, tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Văn